TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 8 - 2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hà;

2. Ông Nguyễn Thế Quý.

- Thư ký phiên toà: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST – HNGĐ ngày 07/8/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị NA - sinh năm 1993;

Nơi ĐKHKTT: LM, thị trấn KK, huyện TL, tỉnh Hà Nam;

Nơi ở: Thôn PQ, xã HL, huyện UH, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T - sinh năm 1989;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: LM, thị trấn KK, huyện TL, tỉnh Hà Nam;

Tại phiên tòa có mặt chị NA, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị NA trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn T trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn KK, huyện TL vào ngày 16/5/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn một năm đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cách sống. Mặt khác, do anh T chơi bời, cờ bạc, nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Dẫn đến, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đến tháng 12/2018, do tình trạng vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, nên chị xin phép bố mẹ anh T và anh T để cho con về nhà bố mẹ đẻ chơi, nhưng do cuộc sống vợ chồng có quá nhiều áp lực nên chị đã không quay về để chung sống với anh T nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho tới nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T đã lên đón con chung về sống cùng anh T, nhưng vợ chồng cũng không nói chuyện, bản thân chị có về thăm con, nhưng anh T và gia đình đã ngăn cản không cho chị thăm, gặp con. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải song không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thanh T1 - sinh ngày 16/4/2018. Hiện nay, cháu đang ở cùng với anh T, nếu ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về con nuôi, con riêng: Không có, hiện nay chị không có thai nghén gì.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2019, bị đơn Trần Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị NA vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn KK, huyện TL. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cũng như chăm sóc con cái, anh đã khuyên bảo nhưng chị Anh không nghe, sau đó chị Anh đã xin phép đưa con về ngoại chơi. Nhưng sau đó không quay về mà bảo anh lên ký đơn ly hôn, anh không đồng ý nên đã lên đón con về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, chị NA có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu là Trần Thanh T1 - sinh ngày 16/4/2018. Hiện nay, cháu đang ở cùng với anh T, nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu chị NA cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị NA giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung chị xin được nuôi cháu Trần Thanh T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, đều đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị NA và anh Trần Văn T. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T1 cho chị Nguyễn NA trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị NA không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị NA phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị NA có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Trần Văn T hiện đang có HKTT và cư trú tại thị trấn KK, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TL.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ra phiên tòa lần 2 nhưng bị đơn anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định phiên tòa vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung mặc dù có sự vắng mặt của bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị NA và anh Trần Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2017 tại UBND thị trấn KK, huyện TL, tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống cũng như chăm sóc con cái. Mặt khác, do anh T chơi bời, không chịu làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1/2019 đến nay, không có liên lạc gì và cũng không

còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị NA xin ly hôn, anh T cũng thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị NA và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị NA, anh T là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thanh T1 - sinh ngày 16/4/2018, hiện nay cháu đang ở cùng với anh T. Khi ly hôn, cả chị NA và anh T đều có nguyện vọng nuôi con chung, đó là nguyện vọng chính đáng của anh, chị. Tuy nhiên, xét nguyện vọng của các bên thấy rằng: Hiện nay cháu Trần Thanh T1 còn nhỏ chưa được 16 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị NA, hiện nay có công việc và thu nhập ổn định. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu, nên giao cháu Thanh T1 cho chị NA nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp pháp luật và thực tế.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị NA và anh Trần Văn T đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị NA phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị NA và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thanh T1 - sinh ngày 16/4/2018 cho chị Nguyễn Thị NA nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị NA phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 04485 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Cảnh